

LIÊN DANH CTY THIÊN PHÚC LONG
VÀ CTY ĐÀI SAO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHẦN IDECO VIỆT NAM

THẨM TRA

Theo văn bản số:.....05.1.6/BCKQTT-IVN

Ngày.....²⁹ tháng.....⁵ năm 20.....²⁵

Chủ trì bộ môn ký tên:

Chun

Nguyễn Thành Chiến

HỒ SƠ

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

TẬP 2: KHỐI LƯỢNG VÀ DỰ TOÁN

Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH.606
đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước

Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Bến Cát.

Đại diện chủ đầu tư: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng thành phố Bến Cát.

Nhà thầu tư vấn: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Phúc
Long và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đầu tư Đài Sao Việt



THIÊN PHÚC LONG

CTy TNHH Tư Vấn & Xây Dựng Thiên Phúc Long

Thủ Dầu Một, tháng năm 2025

LIÊN DANH CTY THIÊN PHÚC LONG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ CTY ĐẠI SAO VIỆT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

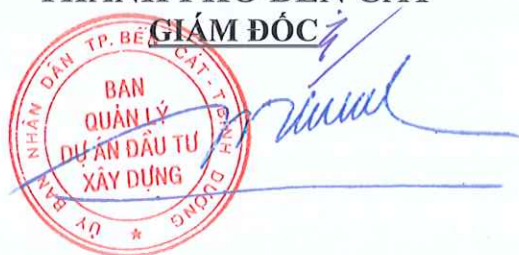


HỒ SƠ *Nguyễn Thành Chiến*
THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
TẬP 2: KHỐI LƯỢNG VÀ DỰ TOÁN

Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH.606
đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước
Địa điểm: phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Thủ Dầu Một, ngày tháng năm 2025

ĐD CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ BẾN CÁT



Nguyễn Minh Quốc

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ
XÂY DỰNG THIÊN PHÚC LONG



Thần Ngọc Quý

TỔNG MỤC LỤC

1. HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
 - TẬP 1: THUYẾT MINH CHUNG.
 - TẬP 2: KHỐI LƯỢNG VÀ DỰ TOÁN.
 - TẬP 3.1: BẢN VẼ THI CÔNG - HẠNG MỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA VÀ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG.
 - TẬP 3.2: BẢN VẼ THI CÔNG - HẠNG MỤC HỆ THỐNG AN TOÀN GIAO THÔNG.
2. HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ - HẠNG MỤC: ĐƯỜNG DÂY TRUNG HẠ THỂ VÀ TRẠM BIẾN ÁP CẤP NGUỒN CHIẾU SÁNG.
3. HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ - HẠNG MỤC: DI DỜI LƯỚI ĐIỆN.
4. HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ - HẠNG MỤC: CẤM CỌC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG (ĐÃ THỰC HIỆN).
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT XÂY DỰNG (ĐỊA HÌNH & THỦY VĂN).
6. CHỈ DẪN KỸ THUẬT.
7. QUY TRÌNH BẢO TRÌ.

MỤC LỤC

THUYẾT MINH DỰ TOÁN

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG	3
1.1. NHỮNG CĂN CỨ ĐỀ LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG - DỰ TOÁN.....	3
1.1.1. Văn bản pháp luật về đầu tư xây dựng.....	3
1.1.2. Văn bản pháp lý về dự án đầu tư	3
CHƯƠNG 2: QUY MÔ VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	5
2.1. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ	5
2.2. QUI MÔ - CÔNG SUẤT	5
2.2.1. Loại, cấp công trình	5
2.2.2. Tiêu chuẩn kỹ thuật.....	6
2.2.3. Quy mô công trình	6
CHƯƠNG 3: DỰ TOÁN	8
3.1. NHỮNG CĂN CỨ LẬP DỰ TOÁN	8
3.1.1. Căn cứ pháp lý	8
3.1.2. Các bộ định mức áp dụng.....	8
3.1.3. Các bộ đơn giá áp dụng.....	9
3.1.4. Các bảng báo giá tham khảo.....	9
3.2. DỰ TOÁN	9

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG - DỰ TOÁN

1.1.1. Văn bản pháp luật về đầu tư xây dựng

- Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 của Quốc hội khóa XV;
- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng;
- Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

1.1.2. Văn bản pháp lý về dự án đầu tư

- Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 10/06/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH 606 đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước.
- Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Cát về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói

thầu: Tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng triển khai sau TKCS thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH 606 đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước;

- Căn cứ hợp đồng số: /2025/HĐTK ngày / /2025 ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Bến Cát và Liên danh Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Phúc Long và Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Đại Sao Việt về việc Tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng triển khai sau TKCS thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH 606 đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước;

CHƯƠNG 2: QUY MÔ VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

2.1. TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ

- Các tiêu chuẩn thiết kế và quy trình, quy phạm:
 - QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
 - QCVN 07:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật”;
 - QCVN 10:2024/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng;
 - QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
 - TCVN 9845:2013: Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;
 - TCVN 5574:2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
 - TCVN 13592:2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
 - TCVN 7957:2023: “Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài: Tiêu chuẩn thiết kế”;
 - TCXDVN 259:2001: Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng cộng cộng;
 - Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 14:2016/TCĐBVN “Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác”;
 - Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 24:2018/TCĐBVN “Tiêu chuẩn thiết kế điều khiển giao thông đường bộ bằng đèn tín hiệu”;
 - Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 31:2020/TCĐBVN - “Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát”;
 - Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 34:2020/TCĐBVN về gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ;
 - Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 37:2022/TCĐBVN - “Áo đường mềm - yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN)”;
 - Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN - “Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế”;
 - Quy trình thiết kế đường ô tô (phần nút giao lộ) 22TCN 273-01;
- Các số liệu điều tra về tình hình địa chất trong khu vực mà tuyến đi qua kết hợp với hồ sơ khảo sát địa hình và thủy văn do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Phúc Long thu thập, đo đạc.

2.2. QUI MÔ - CÔNG SUẤT

2.2.1. Loại, cấp công trình

Theo Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 10/06/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH 606 đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước, loại và cấp công trình như sau:

- | | |
|-------------------|----------------------------------|
| - Nhóm dự án | Dự án nhóm B |
| - Loại công trình | Công trình giao thông (đường bộ) |

- Cấp công trình

cấp II

2.2.2. Tiêu chuẩn kỹ thuật

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình giao thông đô thị” QCVN 07-4:2023/BXD và TCVN 13592:2022 “Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế”.

Căn cứ vị trí, chức năng của tuyến đường và trên cơ sở các tài liệu khảo sát địa chất, khảo sát địa hình và thủy văn; đơn vị tư vấn chọn các tiêu chuẩn kỹ thuật chính như sau:

- | | |
|----------------------|------------------------------------|
| - Loại đường | Đường trong đô thị (đường khu vực) |
| - Cấp đường | Cấp khu vực |
| - Vận tốc thiết kế | $V_{TK}=50\text{Km/h}$ |
| - Tải trọng thiết kế | Trục xe tiêu chuẩn tính toán 100KN |

STT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị
1	Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn	m	80
2	Bán kính đường cong nằm tối thiểu thông thường	m	100
3	Bán kính đường cong nằm tối thiểu không siêu cao	m	1000
4	Bán kính đường cong đứng lồi tối thiểu tiêu chuẩn	m	800
5	Bán kính đường cong đứng lồi tối thiểu mong muốn	m	1200
6	Bán kính đường cong đứng lõm tối thiểu tiêu chuẩn	m	700
7	Bán kính đường cong đứng lõm tối thiểu mong muốn	m	1000
8	Chiều dài tối thiểu đường cong đứng	m	40
9	Độ dốc dọc tối đa	%	6
10	Tầm nhìn dừng xe tối thiểu	m	55
11	Tầm nhìn ngược xe tối thiểu	m	115
12	Tầm nhìn vượt xe tối thiểu	m	275

2.2.3. Quy mô công trình

Tổng chiều dài tuyến khoảng 2.468,09 m

Trong đó:

- | | |
|--------------------------|-------------------|
| ▪ Tuyến chính | 1.398,00 m |
| ▪ Tuyến số 1 | 182,75 m |
| ▪ Tuyến số 2 | 186,76 m |
| ▪ Tuyến số 3 | 187,73 m |
| ▪ Tuyến số 4 | 512,85 m |
| - Kết cấu mặt đường | Bê tông nhựa nóng |
| - Kết cấu hè đường | Lát gạch Terrazzo |
| - Độ dốc ngang mặt đường | 2% |
| - Độ dốc ngang hè đường | 1% ÷ 2% |

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa: bố trí cống dọc hai bên tuyến.
- Xây dựng hệ thống chiếu sáng: bố trí dọc tuyến.
- Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục: vỉa hè, cây xanh, hệ thống an toàn giao thông, di dời lưới điện trung, hạ thế & trạm biến áp,... theo đúng tiêu chuẩn đường đô thị, đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật và điều kiện khai thác.

2.2.3.1. Tuyến chính

a. Đoạn từ Km0+000 ÷ Km0+402,04 và đoạn Km0+905,7 ÷ Km1+398

- Chiều rộng mặt đường 7,5m x hai bên
- Chiều rộng DPC giữa 7,0 m
- Chiều rộng vỉa hè 5,0m x hai bên
- Chiều rộng nền đường 32,0 m
- Phạm vi giải phóng mặt bằng 32,0 m

b. Đoạn từ Km0+402,04 ÷ Km0+905,7

Thiết kế xử lý kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn giao thông và kết nối giữa đường nội bộ khu dân cư Rạch Bắp và tuyến chính nên mặt đường có quy mô như sau:

- Chiều rộng mặt đường 7,5m x hai bên
- Chiều rộng vỉa hè bên phải 5,0m
- Chiều rộng DPC giữa (phạm vi đất dự trữ) 7,0 m
- Chiều rộng DPC ngăn cách tuyến chính với đường nội bộ KDC 3,0 m

Trong đó:

- + Phần dải phân cách 2,0 m
- + Dải an toàn 0,50m x hai bên
- Phạm vi mở rộng nền đường (giải phóng thêm mặt bằng) 30,0 m
- Chiều rộng nền đường nội bộ khu dân cư Rạch Bắp 9,0 m

Trong đó:

- + Phần đường xe chạy 6,0 m
- + Phần vỉa hè bên trái 3,0 m
- Tổng chiều rộng nền đường 39,0 m

2.2.3.2. Tuyến số 1

- Chiều rộng mặt đường 8,0 m
- Chiều rộng vỉa hè 4,0m x hai bên
- Chiều rộng nền đường 16,0 m
- Phần giữa tuyến số 1 và đường nội bộ khu dân cư được thiết kế dải trồng cây xanh có chiều rộng 5,68 ÷ 5,94m.

- Tổng nền đường bao gồm tuyến 1 và đường nội bộ KDC 40,0 m

2.2.3.3. Tuyến số 2 (bên hông TTVH xã), Tuyến số 3 nối từ tuyến chính (Km1+237,00) đến tuyến số 4 (Km0+354,98) và tuyến số 4 (Đoạn từ Km0+354,98 ÷ Km0+512,85)

- Chiều rộng mặt đường 8,0 m
- Chiều rộng vỉa hè 4,0m x 2 bên

- Chiều rộng nền đường

16,0 m

CHƯƠNG 3: DỰ TOÁN

3.1. NHỮNG CĂN CỨ LẬP DỰ TOÁN

3.1.1. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;
- Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;
- Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;
- Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phân loại đường để tính giá cước đường bộ trên địa bàn tỉnh;

3.1.2. Các bộ định mức áp dụng

- Bộ Định mức Xây dựng ban hành kèm theo thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 08 năm 2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

3.1.3. Các bộ đơn giá áp dụng

- Quyết định số 324/QĐ-SXD ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Quyết định số 325/QĐ-SXD ngày 30/12/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Dương, ban hành kèm theo các Quyết định số 251/QĐ-UBND, Quyết định số 254/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Dương;

3.1.4. Các bảng báo giá tham khảo

- Công bố số 1957/CBG-SXD ngày 09/5/2025 của Sở Xây dựng công bố Giá vật liệu xây dựng tháng 04 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Các bảng báo giá vật liệu tham khảo khác;

3.2. DỰ TOÁN

Dự toán công trình: **82.216.998.990 đ**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	67.346.585.328 đ
- Chi phí thiết bị	76.953.515 đ
- Chi phí quản lý dự án	1.259.287.823 đ
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.845.864.539 đ
- Chi phí khác	1.309.287.379 đ
- Chi phí dự phòng	8.379.020.406 đ



Hồ Thị Vinh

NGƯỜI LẬP

KS. Trần Thị Sang